

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2020/HS-ST
Ngày: 30/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. P – TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường, bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân T.p P, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T.p P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân T.p P, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 189/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

H V D. (Tên gọi khác: không) - sinh năm 1990, tại Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 12, P D, T.p P, tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú: Làng Klah 1, x D, h I, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Không.

Cha: H V N - Sinh năm 1967; Mẹ: V T X - Sinh năm 1966.

Gia đình bị cáo có 04 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Bị cáo có vợ tên: T T H - Sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Nội trợ.

Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Vợ và các con của bị cáo hiện trú tại làng Klah 1, xã D, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Tiền án: Tại Bản án số 120/2017/HSST ngày 24/8/2017, bị Tòa án nhân dân T.p P xử phạt 09 tháng tù giam, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 06/3/2018, chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa đóng án phí hình sự.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 08/2012/HSST ngày 12/01/2012, bị Tòa án nhân dân T.p P xử phạt 06 tháng tù giam, về tội: “*Cướp giật tài sản*” quy định tại Khoản 1, Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 10/4/2012, chấp hành xong hình phạt. bản án này đã được xóa án tích.

Ngày 26/11/2018, thực hiện hành vi cố ý gây thương tích. Ngày 29/01/2019, bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Trong thời

gian truy tố bị cáo bỏ trốn, đến ngày 20/11/2020 thì bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an T.p P. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người Bị hại:* Anh N T S, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn Mua, xã BC, T.p P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh NTL, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn 6, xã TĐ, T.p P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. NTS, sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ 12, P D, T.p P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Ksor R, sinh năm: 1993; địa chỉ: làng P, phường YT, T.p P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Anh TTH, sinh năm: 1994; địa chỉ: Tổ 12, phường YĐ, T.p P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NTS và NTL là bạn bè quen biết và cùng làm nghề thợ S. Khoảng 18 giờ ngày 26/11/2018, S gọi điện thoại hẹn L đến quán nhậu tại số 112 đường NVC, Tổ 12, P D, T.p P để nói chuyện công việc, L đồng ý. Sau đó, L rủ H V D, còn S rủ H và Ksor R (là bạn của S) cùng đi đến quán nhậu. L và D đến trước; S, H và R đến sau và tất cả ngồi chung một bàn. Sau khi uống hết khoảng 1,5 lít bia hơi, S cầm ly bia bằng nhựa đứng dậy nói với L: *“Mày làm ăn kiểu gì để người ta gọi điện chửi tao suốt ngày, xin phép anh em trong bàn tao uống hết ly bia và đánh thằng này”*. Nói xong, S uống hết bia trong ly rồi cầm chiếc ly đánh liên tiếp 02 cái vào đầu của L nhưng không gây thương tích gì thì được H và R can ngăn. Lúc này, D đi xuống khu vực bếp của quán lấy 01 chiếc kéo màu đen dài khoảng 23cm, rộng 10, lưỡi kéo sắt nhọn dài 14cm để trên bàn mang ra định đâm S thì được R can ngăn nên D bỏ kéo vào hộp đựng đĩa trên bàn đang ngồi nhậu. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển số 81T1-168.37 đi về trước, còn H và R đi về sau. Trên đường về, do còn bức tức với L nên đi được khoảng 100 mét thì S điều khiển xe mô tô biển số 81T1-168.37 quay lại xuống xe và đứng trước quán gọi L ra nói chuyện. Khi L vừa đi ra trước quán, S liền cầm ghế nhựa đánh vào người L thì L cũng cầm ghế nhựa đánh lại S nhưng chỉ trúng 02 chiếc ghế với nhau nên không ai bị thương tích gì. Sau khi L và S dùng ghế nhựa đánh qua lại với nhau xong, L đi vào lại quán. Lúc này, D lấy chiếc kéo để trong hộp đựng đĩa trên bàn nhậu cầm tay trái chạy ra đâm nhiều nhất trúng vào má phải, cánh tay phải, cổ tay trái, ngực phải và vùng bụng trái của S. Bị đâm S lao vào ôm vật lộn với D làm cả hai ngã xuống đường thì được mọi người can ngăn. D rút cây kéo ra đường ở dải phân cách cố định trên đường Nguyễn Văn Cừ rồi đi vào trong quán thì bị S nhặt 01 viên gạch ném trúng vào đầu làm D bị thương. Sau đó, S chạy vào nhà người dân gần đó để trốn rồi được H và R đưa đến Bệnh viện Quân y 211 cấp cứu và điều trị, đến ngày 07/12/2018 thì S xuất viện; D bị thương ở đầu được L đưa đến Bệnh viện đa khoa T.p P điều trị vết thương.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 07/2019 ngày 11/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận về thương tích của NTS như sau:

“Một sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ở má phải kích thước (1,2 x 0,2)cm, sẹo liền, ảnh hưởng thẩm mỹ: 12 % (M IV.1 – T63).

Bốn sẹo vết thương phần mềm: Một vết mặt ngoài sau 1/3 giữa cánh tay phải kích thước (4 x 0,2)cm; Một vết mặt trước ngoài cổ tay trái kích thước (4 x 0,3)cm; Một vết thành trước ngực phải tương ứng liên sườn V-VI kích thước (0,5 x 0,3)cm và một vết vùng thương vị trái kích thước (1,5 x 0,2)cm, sẹo liền: 2% (M I.1 – T63).

Tổn thương động mạch quay tay trái đã phẫu thuật khâu nối, kết quả tốt, không thiếu máu nuôi dưỡng bên dưới, bàn tay hồng ấm: 5% (M 3.1 – T23).

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương thích gây nên tại thời điểm giám định là: 18 %. Áp dụng phương pháp cộng lùi theo Thông tư 20/2014/TT-BYT.

Tại thời điểm giám định các thương tích đã liền sẹo không xác định được cơ chế hình thành vết thương” .

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 23/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân T.p P đã truy tố bị cáo H V D về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H V D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017;

Áp dụng: Điều 50; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06(sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 23cm, rộng 10 cm, lưỡi kéo sắc nhọn dài 14cm, cán được bọc nhựa màu đen là hung khí H V D dùng để gây thương tích cho bị hại NTS, không có giá trị sử dụng tích thu tiêu hủy.

Đối với việc NTS dùng gạch ném trúng vào đầu của H V D gây tổn hại 02 % sức khỏe. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra H V D đã có đơn bãi nại và không yêu cầu xử lý hình sự đối với S, nên không có căn cứ để xử lý đối với S về tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T.p P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L về hành vi này là đúng pháp luật.

Đối với NTL là người dùng ghê đánh nhau với NTS, sau đó H V D dùng kéo đâm gây thương tích cho bị hại S. Quá trình điều tra xác định trước khi D dùng kéo đâm gây thương tích cho bị hại S, thì giữa L và D không có sự bàn bạc rủ rê gì với nhau và L cũng không có hành vi xúi giục, kích động để D đánh S. Việc D dùng kéo đâm gây thương tích cho bị hại S là do D bị S đánh nên D bực tức dùng kéo đâm S, đây là hành vi thái quá của D nên L không đồng phạm với D về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với L về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T.p P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L về hành vi này là đúng pháp luật.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T.p P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T.p P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo H V D khai nhận: Vào khoảng 18 giờ 30 ngày 26/11/2018, tại trước quán nhậu số 112 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 12, P D, T.p P, tỉnh Gia Lai, H V D đã dùng chiếc kéo nhọn đâm gây thương tích cho bị hại NTS; Hậu quả, làm NTS tổn hại 18% sức khỏe.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo H V D thì thấy rằng: Sức khỏe, tính mạng của con người là vốn quý và được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của anh S, giữa bị cáo và bị hại NTS không có mâu thuẫn gì với nhau, nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại, điều này thể hiện hành vi của bị cáo mang tính chất côn đồ (Theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự). Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã dùng chiếc kéo nhọn là hung khí nguy hiểm (Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự) để gây thương tích cho bị hại. Hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra làm cho bị hại NTS bị tổn hại sức khỏe với tỉ lệ là 18%. Vì vậy cần phải lên cho bị cáo một mức án nghiêm theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng có phần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, theo quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Tại Bản án số 08/2012/HSST ngày 12/01/2012, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân T.p P xử phạt 06 tháng tù giam, về tội: “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 10/4/2012, chấp hành xong hình phạt. bản án này đã được xóa án tích. Tại Bản án số 120/2017/HSST ngày 24/8/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân T.p P xử phạt 09 tháng tù giam, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 06/3/2018, chấp hành xong hình phạt, bị cáo chưa đóng án phí hình sự. Nên lần phạm tội này của bị cáo đã rơi vào tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 23cm, rộng 10 cm, lưỡi kéo sắc nhọn dài 14cm, cán được bọc nhựa màu đen là hung khí H V D dùng để gây thương tích cho bị hại NTS, không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Đối với việc NTS dùng gạch ném trúng vào đầu của H V D gây tổn hại 02 % sức khỏe. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra H V D đã có đơn bãi nại và không yêu cầu xử lý hình sự đối với S, nên không có căn cứ để xử lý đối với S về tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T.p P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L về hành vi này là đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với NTL là người dùng ghế đánh nhau với NTS, sau đó H V D dùng kéo đâm gây thương tích cho bị hại S. Quá trình điều tra xác định trước khi D dùng kéo đâm gây thương tích cho bị hại S, thì giữa L và D không có sự bàn bạc rủ rê gì với nhau và L cũng không có hành vi xúi giục, kích động để D đánh S. Việc D dùng kéo đâm gây thương tích cho bị hại S là do D bị S đánh nên D bức tức dùng kéo đâm S, đây là hành vi thái quá của D nên L không đồng phạm với D về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với L về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T.p P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L về hành vi này là đúng pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo **H V D** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo H V D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 23cm, rộng 10 cm, lưỡi kéo sắc nhọn dài 14cm, cán được bọc nhựa màu đen không có giá trị sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T.p P và Chi cục Thi hành án dân sự T.p P)

[2]. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo H V D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[3]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 30/12/2020) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng

người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND T.p P;
- Công an T.p P;
- Chi cục THA dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Trần Thị Tố Uyên